

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2025

V/v: Tranh chấp ly hôn giữa

bà T và ông L

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc A M

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị K

2. Bà Đặng Thu V

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Tr – Thư ký của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh N – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 796/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc Bích T, sinh năm 1984, số CCCD: 080184000340, ngày cấp: 16/5/2024, nơi cấp: Cục C về TTXH;

Địa chỉ: Số C B, phường B (Phường G, Quận H cũ) Thành phố Hồ Chí Minh.

(đương sự có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Đinh Văn L, sinh năm 1980, số CCCD: 082080000309, ngày 17/6/2022, nơi cấp: Cục C về TTXH;

Địa chỉ: Nhà không số kế số A L, phường B (Phường G, Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

(đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2024 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Bích T trình bày:

Bà T và ông Đinh Văn L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/5/2005 tại Ủy ban nhân dân phường B (Phường G, Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 062. Trong quá trình chung sống, hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông L.

Trong quá trình chung sống, bà T và ông L có 02 con chung tên Đinh Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 08/01/2007 (đã thành niên) và Đinh Thiên B, sinh ngày 09/4/2011. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đinh Thiên B và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, bà T tự khai giữa bà và ông L không có tài sản chung và không vay nợ gì của ai.

Bị đơn ông Đinh Văn L đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L vẫn vắng mặt. Vì vậy Tòa án không thu thập được lời khai của ông L và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn bà T chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn ông L chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Bích T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Ngọc Bích T thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn là ông Đinh Văn L hiện đang cư trú tại nhà không số kế số A L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 01/7/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 3 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Ngọc Bích T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Ông Đinh Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Bà Nguyễn Ngọc Bích T và ông Đinh Văn L sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B (Phường G, Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 062 đăng ký ngày 04/5/2005, nên xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của bà T, bà T trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Năm 2023, bà đã từng nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L, nhưng vì thương con và mong muốn tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn nên bà đã rút đơn. Nhưng từ sau khi bà rút đơn cho đến nay, mặc dù bà và

ông L vẫn sống chung nhà nhưng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc nên bà T yêu cầu được ly hôn. Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, yêu cầu của bà T là có căn cứ cần giải quyết.

Xét thấy ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông L vẫn vắng mặt và ông L cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử, điều này thể hiện ông L không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông L không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà T cần chấp nhận vì phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Bà T và ông L có 02 con chung tên Đinh Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 08/01/2007 (đã thành niên) và Đinh Thiên B, sinh ngày 09/4/2011. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đinh Thiên B và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà T và nguyện vọng của con chung Đinh Thiên B, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Bà T tự khai không có.

Về nợ chung: Bà T tự khai không nợ gì của ai.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 01/7/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 3 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Bích T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Bích T được ly hôn với ông Đinh Văn L.

- Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc Bích T và ông Đinh Văn L có 02 con chung tên Đinh Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 08/01/2007 (đã thành niên) và Đinh Thiên B, sinh ngày 09/4/2011.

Giao con chung tên Đinh Thiên B, sinh ngày 09/4/2011 cho bà Nguyễn Ngọc B1 Tuyên trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Đinh Văn L cho đến khi có yêu cầu.

Ông Đinh Văn L có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T tự khai không có.

- Về nợ chung: Bà T tự khai không nợ gì của ai.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Ngọc Bích T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0030625 ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà Nguyễn Ngọc Bích T và ông Đinh Văn L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết hợp lệ cho đương sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 10-
TpHCM;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND p.Bình Đông,
TpHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Ngọc A M

